

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày: 19 - 12- 2022

V/v: “*Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đồi.
2. Ông Nguyễn Văn Đích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phú Huy- Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐST-HPT ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP N.** Địa chỉ trụ sở: Số 198 Đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân D – Chức vụ: Trưởng Phòng khách hàng Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh N. Địa chỉ liên hệ: 537 đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy ủy quyền số 824/UQ-VCB.PC ngày 20/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N và Giấy ủy quyền số 22/UQ-NĐN-HCNQ ngày 15/3/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh N. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Sĩ K- Sinh năm: 1974.

Nơi ĐKKHKT: Xã Đ, huyện Đ1, Tỉnh Quảng Nam. Nơi ở hiện nay: Số 275 đường N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N trình bày:

Ngày 26/7/2017, ông Nguyễn Sĩ K có ký với Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là Ngân hàng), gồm Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Căn cứ vào thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 500.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất 15% năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.138.963.895 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 885.904.296 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 4 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 01/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19/11/2022, ông K còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 244.425.217 đồng; nợ lãi quá hạn 8.634.382 đồng. Tổng cộng 253.059.599 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm chín mươi chín đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông K có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông K vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP N đề nghị Tòa án xem xét buộc ông K phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 19/12/2022 là 253.059.599 đồng. Trong đó nợ gốc 244.425.217 đồng; nợ lãi quá hạn 8.634.382 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/12/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/7/2017.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Sĩ K trình bày: Ngày 26/7/2017, ông có ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng TMCP N với hạn mức 500.000.000 đồng, mục đích để chi tiêu cá nhân theo sự tư vấn của ngân hàng cấp cho các công nhân viên công ty trả lương qua ngân hàng. Sau khi ông được cấp thẻ, ông vẫn thực hiện thanh toán tiền lãi và gốc hàng tháng đều đặn cho ngân hàng. Nhưng do ảnh hưởng của dịch covid 19 ông đã gặp sự cố về kinh tế nên khả năng chi trả không đúng với hợp đồng đã

ký kết. Tính đến ngày 11/10/2022, ông còn nợ ngân hàng số tiền 296.932.285 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi hai nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng).

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả tiền gốc và lãi là 296.932.285 đồng tính đến ngày 11/10/2022 thì ông đồng ý trả số nợ trên và cam kết đến ngày 17/10/2022 sẽ thanh toán dứt điểm số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế quy định trong trường hợp tranh chấp phát sinh các bên đồng ý giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi có trụ sở Chi nhánh của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP N, Chi nhánh N có trụ sở tại số 537 đường T, phường A, quận S, Tp Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 26.7.2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N với ông Nguyễn Sĩ K, có nội dung Ngân hàng TMCP N đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Sĩ K với hạn mức sử dụng là 500.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 15% năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, ông Nguyễn Sĩ K có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo giao dịch hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho ông theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 4 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Sau khi được cấp thẻ, ông Nguyễn Sĩ K đã thực hiện giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 1.138.963.895 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 885.904.296 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Nguyễn

Sĩ K vẫn không trả nợ như đã cam kết. Tháng 01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử ngày 19.12.2022, ông Nguyễn Sĩ K còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 244.425.217đồng;

Lãi quá hạn: 8.634.382đồng;

Tổng cộng: 253.059.599đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Sĩ K phải trả toàn bộ khoản nợ nói trên. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 20.12.2022 cho đến khi ông Nguyễn Sĩ K trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng ngày 26.7.2017 với ông Nguyễn Sĩ K trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Sĩ K đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Sĩ K vẫn không có thiện chí trả nợ. Tháng 01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Sĩ K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Sĩ K phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 20.12.2022 trên số dư nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 26.7.2017 cho đến khi ông Nguyễn Sĩ K thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Sĩ K phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Nguyễn Sĩ K phải chịu là $(253.059.599\text{đồng} \times 5\%) = 12.652.979\text{đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 6.885.000đồng theo biên lai thu số 0003304 ngày 28/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 14,15 Điều 4, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 101/2012/NĐ – CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Căn cứ Đoạn 2 Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn ông Nguyễn Sĩ K.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Sĩ K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 253.059.599đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm chín mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 244.425.217đồng, tiền lãi quá hạn là 8.634.382đồng tính đến ngày 19/12/2022.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 20/12/2022 trên số dư nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng ngày 26.7.2017 cho đến khi ông Nguyễn Sĩ K thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 12.652.979đồng ông Nguyễn Sĩ K phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 6.885.000 đồng theo biên lai thu số

0003304 ngày 28/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thy Tuyết